

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 301/2025/DS-PT
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp giá trị tài sản trên đất,
yêu cầu hủy một phần quyết định về
việc hỗ trợ bị thiệt hại về đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 812/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp giá trị tài sản trên đất, yêu cầu hủy một phần quyết định về việc hỗ trợ bị thiệt hại về đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 956/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1/. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964. (vắng mặt)

2/. Ông Phan Văn T, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông T: Bà Hà Thị Thu H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: số B ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). (vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Ú – Trưởng phòng Phòng kinh tế. (xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Ú – Trưởng phòng Phòng kinh tế. (xin xét xử vắng mặt)

2/. Ông Nguyễn Tấn R, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T trình bày:

Năm 2015 hai ông Nguyễn Văn L và Phan Văn T thuê phần đất công của Ủy ban nhân dân xã H giao cho Hội C xã Hựu Thạnh quản lý, sử dụng tại thửa đất số 792, tờ bản đồ số 7, diện tích 22.973m², đất tại ấp C xã H, huyện Đ. Mỗi năm hai ông trả 40.000.000 đồng cho Hội Cựu chiến binh Việt Nam xã C; sau khi thuê đất, hai ông trồng cây trúc và trà trên toàn bộ diện tích đất.

Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi toàn bộ thửa đất số 792 để thực hiện dự án xây dựng Khu Công nghiệp H do Tổng công ty Đ và Công ty cổ phần Đ1 làm chủ đầu tư. Tuy nhiên khi tiến hành kê biên, bồi thường tài sản trên đất thì Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường số tiền 781.768.000 đồng trên đất cho Ủy ban nhân dân xã H, trong khi tài sản trên đất là của hai ông L và T trồng và quản lý từ năm 2015 đến ngày Ủy ban nhân dân huyện Đ kê biên, bồi thường.

Ủy ban nhân dân xã H cũng thừa nhận không trồng cây gì trên thửa đất bị thu hồi mà do hai ông L và T trồng và vận động hai ông tận thu cây trồng trên đất để bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư (Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã H và Biên bản vận động ngày 24/10/2019).

Ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T khiếu nại nhiều lần đến Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân huyện Đ nhưng đến nay Ủy ban nhân dân xã H vẫn chưa hoàn trả lại giá trị bồi thường tài sản trên đất cho hai ông. Ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 4082/QĐ-UBND về việc hỗ trợ giá trị tài sản trên đất, số tiền 781.768.000 đồng.

- Công nhận giá trị bồi thường tài sản trên đất bị thu hồi, số tiền 781.768.000

đồng cho hai ông L, T.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã H trả lại cho hai ông số tiền đã nhận bồi thường là 781.768.000 đồng.

Bị đơn Ủy ban nhân dân xã H (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ) trình bày:

Vào ngày 09/6/2017, Đảng ủy xã có Công văn số 35-CV/ĐU do ông Huỳnh Văn T1 ký chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã giao đất cho Hội cựu chiến binh cạnh tác, nhưng xét thấy không đúng quy định của pháp luật (do văn bản có sau Quyết định thu hồi đất) nên ông Huỳnh Văn T2 không tổ chức thực hiện. Việc Hội Cựu chiến binh xã cho ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T3 thuê đất thì ông T2 không biết. Ủy ban nhân dân xã H không có văn bản giao đất cho Hội Cựu chiến binh xã H để sản xuất nông nghiệp. Việc Hội Cựu chiến binh xã C tự giao đất cho ông L, ông S và ông T3 cạnh tác là không đúng quy định.

Về tài sản trên đất: Ủy ban nhân dân xã H không có trồng cây hay cải tạo trên thửa đất số 792. Việc ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T đầu tư cải tạo cây trồng thì Ủy ban nhân dân xã H không biết.

Về phần tiền bồi thường tài sản gắn liền với đất, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ đã chuyển vào ngân sách Ủy ban nhân dân xã H số tiền 781.768.000 đồng; Ủy ban nhân dân xã H không có căn cứ lấy tiền ngân sách xã để chi trả cho ông L, ông T. Trước khi bàn giao đất cho Ban quản lý dự án vào năm 2019, Ủy ban nhân dân xã có vận động hai ông L, T tận thu cây trồng trên đất bán được bao nhiêu thì bán để thu hồi lại vốn trồng; hai ông L, T cũng đã tận thu xong cây trồng, số tiền bao nhiêu ông không rõ. Hiện nay, phần đất đã được san lấp để thực hiện dự án. Vì vậy, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ) trình bày:

Ngày 21/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Thông báo số 6228/TB-UBND về việc thu hồi đất đối với các hộ dân thuộc dự án Khu công nghiệp H - IDICO trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 10/8/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Đ phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, Tổng công ty I - CTCP tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa của dự án trên đất đối với phần đất công do ủy ban nhân dân xã H, trong đó có thửa đất số 792, tờ bản đồ số 7, loại đất BHK, diện tích 22.973m² (biên bản kiểm đếm số 1298/BBKĐ ngày 10/12/2018 của Tổ kiểm đếm Ban Q).

Ngày 23/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-UBND về việc bồi thường giá trị tài sản trên đất đối với tổ chức: Ủy ban nhân dân xã H, số tiền 324.923.903 đồng.

Ngày 01/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 4081/QĐ-UBND về việc thu hồi đất công ích đối với (tổ chức): Ủy ban nhân dân xã H thuộc dự án trên với diện tích 22.973m² của thửa đất số 792, tờ bản đồ số 7,

loại đất BHK, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Cùng ngày 01/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 4082/QĐ-UBND về việc hỗ trợ do bị thiệt hại về đất công ích đối với tổ chức: Ủy ban nhân dân xã H, số tiền 5.721.292.495 đồng (kèm theo bảng chiết tính lập ngày 04/7/2019).

Ngày 21/11/2019, Ban Q ủy nhiệm chi tiền hỗ trợ đất công ích và bồi thường giá trị tài sản trên đất đối với tổ chức: Ủy ban nhân dân xã H, với tổng số tiền 6.046.216.398 đồng và Ủy ban nhân dân xã H đã nhận tiền nộp vào ngân sách xã H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H trả lại cho hai ông số tiền 791.768.000 đồng mà Ủy ban nhân dân xã H đã nhận bồi thường giá trị tài sản trên đất là trái với quy định của pháp luật, với các lý do:

- Ủy ban nhân dân xã H không có văn bản giao đất cho Hội Cựu chiến binh xã để sản xuất nông nghiệp. Việc Hội Cựu chiến binh xã tự giao đất cho ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T canh tác là không đúng quy định.

- Ủy ban nhân dân xã H và ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T không có văn bản thỏa thuận nào liên quan đến việc Ủy ban nhân dân xã H cho ông L, ông T thuê đất công tại thửa đất số 792, tờ bản đồ số 7, loại đất BHK, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Việc bồi thường giá trị tài sản trên đất cho Ủy ban nhân dân xã H là đúng quy định.

Ngày 26/10/2021, Ủy ban nhân dân huyện Đ có Công văn số 13163/UBND-KT về việc giải quyết đơn kiến nghị của công dân. Ủy ban nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân xã H giải quyết theo thẩm quyền đối với nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T.

Ngày 15/11/2021, Ủy ban nhân dân xã H có Văn bản số 1087/CV- UBND về việc trả lời cho ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T.

Việc khởi kiện xuất phát từ việc ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T khiếu nại yêu cầu được giải quyết nhận tiền bồi thường phần tài sản trên đất công ích của xã H. Tuy nhiên, việc kiểm đếm, thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất đối với tổ chức Ủy ban nhân dân xã H đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện theo đúng trình tự pháp luật. Các quyết định hành chính trên được ban hành theo đúng trình tự thủ tục và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành nên không có cơ sở để xem xét, điều chỉnh lại giá trị bồi thường tài sản trên đất sang cho ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn R trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/5/2024 và tại phiên tòa có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Tấn R là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã C giai đoạn năm 2015 đến năm 2022, hiện nay đã về hưu. Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã có giao cho Hội Cựu chiến binh thửa đất số 792, tờ bản đồ số 7, diện tích 22.973m² để cho Hội sử dụng, do Hội cần tiền để tạo quỹ của Hội Cựu chiến binh nên ông đại

diện Hội có cho ông L và ông T là hai cựu chiến binh của xã Đ có đất gần thửa đất này thuê để sử dụng. Mỗi năm ông L và ông T nộp cho Hội 40.000.000 đồng, nộp từ năm 2015 đến năm 2018, tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Ngoài thửa đất số 792, Ủy ban nhân dân xã còn giao cho Hội Cựu chiến binh thửa đất khác, thửa đất này Hội tự trồng cây, khi đất vô quy hoạch tính đền bù thì số cây này được đền bù cho Hội Cựu chiến binh. Việc Hội Cựu chiến binh cho ông L và ông T thuê đất chỉ làm hợp đồng miệng, không có làm giấy tờ. Tuy nhiên do quen biết, ông L và ông T cũng là cựu chiến binh nên không làm giấy tờ nhưng việc ông L và ông T thuê đất để trồng cây là có thật, mỗi năm ông L và ông T đều nộp tiền thuê, Ủy ban nhân dân xã giao đất cho Hội Cựu chiến binh thì Hội có quyền sử dụng hoặc cho thuê nên ông L và ông T sử dụng đất được Hội cho thuê nên cây trồng trên đất thuộc quyền sử dụng của ông L và ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) đã quyết định:

Áp dụng Điều 164, 165, 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T về việc *“Tranh chấp giá trị tài sản trên đất, yêu cầu hủy một phần quyết định về việc hỗ trợ giá trị tài sản trên đất”* đối với bị đơn là Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Hủy một phần Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc hỗ trợ giá trị tài sản trên đất, số tiền 781.768.000 đồng (tại Điều 1 của Quyết định) đối với Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Công nhận giá trị bồi thường tài sản trên đất bị thu hồi, số tiền 781.768.000 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng) cho hai ông Nguyễn Văn L và ông Phan Văn T.

Buộc Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T số tiền 781.768.000 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2025, bị đơn Ủy ban nhân dân xã H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có người đại diện theo ủy quyền xin xét xử vắng mặt và có ý kiến thống nhất với các văn bản đã nộp cho Tòa án trước đây.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã H (nay là Chủ tịch UBND xã Đ, tỉnh Tây Ninh) nằm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi toàn bộ thửa đất số 792 để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp H do Tổng Công ty Đ và Công ty cổ phần Đ1 làm chủ đầu tư. Theo Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 01/8/2019, UBND huyện Đ bồi thường giá trị trên đất cho UBND xã H theo Bảng chiết tính hỗ trợ đối với giá trị tài sản trên đất là cây trồng, tổng số tiền 781.768.000 đồng.

Theo ông Nguyễn Văn L, ông Phan Văn T trình bày hai ông thuê thửa đất số 792 nêu trên của Hội Cựu chiến binh xã H để trồng cây, trả tiền thuê đất hàng năm; toàn bộ số cây trồng bị thu hồi trên đất là do ông L và ông T trồng nên yêu cầu được nhận số tiền bồi thường về cây trồng trên.

Mặc dù không có tài liệu, giấy tờ chứng minh về việc cho thuê đất giữa Hội Cựu chiến binh xã H và ông L, ông T. Tuy nhiên, lời trình bày của ông L, ông T phù hợp với lời trình bày của người làm chứng – ông Nguyễn Tấn R (Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã C giai đoạn 2021 - 2025) xác định sau khi được UBND xã H giao thửa đất số 791 để sử dụng, Hội đã cho ông L, ông T thuê để thu tiền thuê, tạo quỹ hoạt động. Tại Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 20/7/2020, Ủy ban nhân dân xã H xác định UBND xã không trồng thêm hay cải tạo gì thêm trên đất mà tài sản trên đất do ông Nguyễn Văn L và ông Phan Văn T đầu tư cải tạo. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện UBND xã H cũng xác định cây trồng trên đất là của ông L, ông T; UBND xã H đã vận động ông L, ông T tự tận thu cây trồng trên đất để thu hồi lại vốn.

Như vậy, có căn cứ xác định cây trồng trên đất là của ông L, ông T; ông L, ông T khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với giá trị bồi thường tài sản

trên đất bị thu hồi, số tiền 781.768.000 đồng; buộc UBND xã H trả lại cho ông L, ông T số tiền bồi thường đã nhận là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của UBND xã H; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022718 ngày 16/6/2025 của Cục Thi hành dân sự tỉnh L (nay là tỉnh Tây Ninh) vào phần án phí phải chịu. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự (4);
- Lưu HSVA(2) VP(5) 16B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy

